

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 05-6-2025.

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST-DS ngày 25/3/2025, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 242/2025/QĐST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn T, sinh năm: 1979, địa chỉ: thị trấn Phú L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Ủy quyền cho anh Huỳnh Hoài T, sinh năm: 1997; địa chỉ: TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 17/3/2025.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn S, sinh năm: 1984; địa chỉ: xã Hoà T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê H, sinh năm: 1991, địa chỉ: xã Hoà T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt, chị S, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn T là anh Huỳnh Hoài T trình bày:

Nguyên bà S tham gia các dây hội do bà T làm chủ cụ thể như sau:

Dây hội tháng khui ngày 10/4/2022al giá hội 1.000.000đ/tháng có 39 phần bà S tham gia 05 phần đã hốt hết với số tiền 157.000.000đ.

Dây hội ngày khui ngày 22/8/2022al giá hội 20.000đ/tháng có 60 phần bà S tham gia 200 phần đã hốt hết với số tiền 369.200.000đ.

Các dây hội này đã mãn, sau khi các dây hội này đã mãn bà T và bà S trừ cấn với nhau thì bà S còn nợ bà T số tiền 271.000.00đ, sau khi hốt hội xong bà S bỏ về sống tại nhà bà Lê H số nhà xã Hoà Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, bà T có lên gặp trực tiếp bà H, bà S thì bà H tự viết giấy nợ đứng ra bảo lãnh cho bà S số tiền 271.000.000đ và cam kết bà S trả hàng tháng 10.000.000đ cho đến hết nợ, sau đó bà S trả được 37.500.000đ thì ngưng đến nay, nay Nguyễn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê H; Nguyễn S cùng liên đới trả cho Nguyễn T số tiền nợ hội là 233.500.000đ, lãi không yêu cầu.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên hoà giải ngày 09/5/2025 bà Lê H trình bày:

Bà H thừa nhận là bà H có đứng ra nhận bảo lãnh nợ cho bà S với số tiền 271.000.00đ đã trả được 37.500.000đ số còn lại đến nay không chưa trả nay bà H đồng ý cùng bà S đứng ra trả nợ cho bà T số tiền còn lại là 233.500.000đ.

Bị đơn Nguyễn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, không có lý do. Cũng như không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn T khởi kiện yêu cầu Nguyễn S; Lê H trả tiền nợ hội, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng hội. Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn Nguyễn S trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn S.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê H.

[2] Về nội dung:

Nguyễn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn S; Lê H liên đới trả cho Nguyễn T số tiền hụi còn nợ là 233.500.000đ, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu mình là tờ giấy nợ ngày 17/02/2023 có chữ ký tên và ghi họ tên của bà S và người bảo lãnh là bà H, bà H cũng thừa nhận và đồng ý liên đới cùng bà S trả nợ cho bà T, Đối với Nguyễn S thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Nguyễn S không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Nguyễn S; Lê H nợ tiền hụi Nguyễn T số tiền 233.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với tiền lãi nguyên đơn Nguyễn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 466; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn T về việc yêu cầu Nguyễn S; Lê H trả nợ.

2. Buộc Nguyễn S; Lê H liên đới trả cho Nguyễn T số tiền nợ hui là 233.500.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí, tạm ứng án phí:

3.1. Nguyễn S; Lê H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.675.000 đồng (Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả lại cho Nguyễn T số tiền 5.838.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005766 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2025). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm